

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và
các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên
độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2012



Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thông tin về Công ty

Quyết định số 2405/QĐ-CT.UB **ngày 5 tháng 8 năm 2004**

Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh

Số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp vào ngày 15 tháng 9 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 1800156801 được cấp ngày 13 tháng 9 năm 2011.

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Thị Việt Nga	Chủ tịch
Bà Lê Minh Hồng	Phó Chủ tịch
Ông Lê Chánh Đạo	Thành viên
Ông Đoàn Đình Duy Khương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên
Ông Nguyễn Như Song	Thành viên
Ông Lê Đình Bửu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Sĩ Trung Kỳ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Việt Nga	Tổng Giám đốc
Bà Lê Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Chánh Đạo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Đình Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Ánh Như	Trưởng ban
Ông Trần Quốc Hưng	Thành viên
Ông Đàm Mạnh Cường	Thành viên

Trụ sở đăng ký

288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 3 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		1.529.716.522.687	1.490.691.786.181
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	498.594.075.954	467.084.218.098
Tiền	111		194.437.528.967	343.614.925.745
Các khoản tương đương tiền	112		304.156.546.987	123.469.292.353
Đầu tư ngắn hạn	120		448.558.290	
Các khoản phải thu	130	4	489.731.655.727	489.939.062.124
Phải thu khách hàng	131		354.613.391.275	340.585.766.770
Trả trước cho người bán	132		82.616.126.625	79.032.748.156
Các khoản phải thu khác	135		55.354.659.934	73.173.069.305
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(2.852.522.107)	(2.852.522.107)
Hàng tồn kho	140	5	525.848.432.303	515.191.425.774
Hàng tồn kho	141		530.518.094.098	519.861.087.569
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.669.661.795)	(4.669.661.795)
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.093.800.413	18.477.080.185
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.614.312.462	1.431.601.904
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.188.627.095	4.301.209.672
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	6	501.327.865	4.108.142.811
Tài sản ngắn hạn khác	158		9.789.532.991	8.636.125.798

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

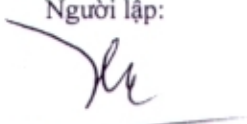
	Mã số	Thuyết minh	31/3/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản dài hạn	200		511.671.372.696	505.014.880.878
Tài sản cố định	220		465.349.996.600	459.454.490.641
Tài sản cố định hữu hình	221	7	280.618.898.689	255.330.772.673
Nguyên giá	222		480.921.294.666	443.230.788.716
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(200.302.395.977)	(187.900.016.043)
Tài sản cố định vô hình	227	8	160.432.718.260	157.377.310.396
Nguyên giá	228		166.846.359.488	163.249.725.488
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.413.641.228)	(5.872.415.092)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	24.298.379.651	46.746.407.572
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	17.103.451.017	17.473.451.017
Đầu tư vào công ty liên kết	252		9.786.282.266	10.086.282.266
Đầu tư dài hạn khác	258		11.831.050.200	11.901.050.200
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.513.881.449)	(4.513.881.449)
Tài sản dài hạn khác	260		29.217.925.079	28.086.939.220
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	20.155.272.357	20.446.170.185
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	29	6.745.296.346	5.509.693.831
Tài sản dài hạn khác	268		2.317.356.376	2.131.075.204
TỔNG TÀI SẢN	270		2.041.387.895.383	1.995.706.667.059

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

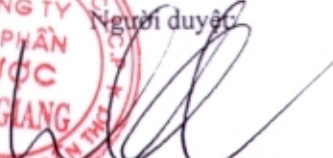
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		544.488.963.279	602.248.423.265
Nợ ngắn hạn	310		486.792.557.520	544.024.124.947
Vay ngắn hạn	311	12	24.821.048.516	21.115.601.324
Phải trả người bán	312	13	95.366.613.483	123.618.564.257
Người mua trả tiền trước	313		760.085.072	720.929.252
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	14	18.698.296.521	28.297.625.312
Phải trả người lao động	315		87.748.470.210	125.958.570.389
Chi phí phải trả	316	15	180.517.863.377	165.931.042.238
Các khoản phải trả phải nộp khác	319		42.321.760.124	33.834.092.563
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	16	36.558.420.217	44.547.699.612
Nợ dài hạn	330		57.696.405.759	58.224.298.318
Doanh thu chưa thực hiện	333		-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	17	33.468.192.236	33.818.985.521
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	18	24.228.213.523	24.405.312.797
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.483.748.204.640	1.381.546.863.475
Vốn chủ sở hữu	410		1.483.748.204.640	1.381.546.863.475
Vốn cổ phần	411	19	651.764.290.000	651.764.290.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Cổ phiếu quỹ	414	19	(455.850.000)	(455.850.000)
Quỹ đầu tư phát triển	416		286.384.048.884	286.384.048.884
Quỹ dự phòng tài chính	418		66.541.621.663	66.541.621.663
Lợi nhuận chưa phân phối	420		479.514.094.093	377.312.752.928
LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỞ	439	20	13.150.727.464	11.911.380.319
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.041.387.895.383	1.995.706.667.059

Người lập:


 Đặng Phạm Huyền Nhung
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Lê Chánh Đạo
 P. Tổng Giám đốc



ngày 26 tháng 4 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày
31 tháng 3 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
Tổng doanh thu	01	21	624.184.685.819	582.311.579.194
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	(3.803.442.011)	(2.999.778.070)
Doanh thu thuần	10	21	620.381.243.808	579.311.801.124
Giá vốn hàng bán	11	22	(329.439.046.884)	(301.449.469.242)
Lợi nhuận gộp	20		290.942.196.924	277.862.331.882
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	7.254.662.855	12.614.896.484
Chi phí tài chính	22	24	(1.531.957.207)	(1.394.394.951)
Lãi tiền vay			(850.659.172)	(323.372.767)
Chi phí bán hàng	24	25	(137.682.451.072)	(145.443.034.727)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	(42.722.424.593)	(41.964.122.159)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		116.260.026.907	101.675.676.529
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	27	1.433.545.573	987.303.547
Chi phí khác	32	28	(1.112.603.133)	(1.110.896.542)
Lỗ từ công ty liên kết	30	10	(300.000.000)	(300.000.000)
Lợi nhuận trước thuế	50		116.280.969.347	101.252.083.534

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày
31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	50		116.280.969.347	101.252.083.534
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	29	(14.075.868.577)	(13.473.872.418)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	29	1.235.587.540	354.006.359
Lợi nhuận thuần	60		103.440.688.310	88.132.217.475
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	20	1.239.347.145	373.814.377
Chủ sở hữu của Công ty	62		102.201.341.165	87.758.403.098
Lợi nhuận thuần	60		103.440.688.310	88.132.217.475
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.568	3.262

Người lập:


 Đặng Phạm Huyền Nhung
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Lê Chánh Đạo
 P.Tổng Giám đốc

ngày 26 tháng 4 năm 2012

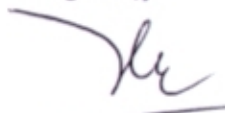
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012

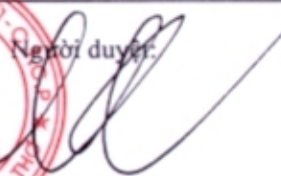
	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2011	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	204.329.442.743	64.215.412.933	364.342.106.640	1.280.322.125.140
Cổ phiếu đã phát hành	2.500.000.000						2.500.000.000
Cổ phiếu thưởng	380.134.670.000	(378.761.392.824)		(1.373.277.176)		-	-
Phân bổ cho các quỹ	-	-		83.427.883.317	2.326.208.730	(85.754.092.047)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(45.937.137.077)	(45.937.137.077)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(10.199.508.489)	(10.199.508.489)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	415.526.579.901	415.526.579.901
Cổ tức	-	-	-	-	-	(260.665.196.000)	(260.665.196.000)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	651.764.290.000	-	(455.850.000)	286.384.048.884	66.541.621.663	377.312.752.928	1.381.546.863.475
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	102.201.341.165	102.201.341.165
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2012	651.764.290.000	-	(455.850.000)	286.384.048.884	66.541.621.663	479.514.094.093	1.483.748.204.640

Người lập:


 Đặng Phạm Huyền Nhung
 Kế toán trưởng



Người duyệt:


 Lê Chánh Đạo
 P. Tổng Giám đốc

ngày 26 tháng 4 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012

	Mã Thuyết số minh	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	116.280.969.347	101.252.083.534
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	14.281.554.616	10.830.492.005
Các khoản dự phòng	03	(350.793.285)	1.945.146.503
Lãi thanh lý tài sản	05	291.336.110	(260.026.013)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	06	(6.866.012.398)	(7.939.566.035)
Chi phí lãi vay	07	850.659.172	323.372.767
Lỗ từ công ty liên kết	08	300.000.000	300.000.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	09	124.787.713.562	106.451.502.761
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	10	(1.672.100.036)	(46.144.798.888)
Biến động hàng tồn kho	11	(10.657.006.529)	(70.705.394.969)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	12	(54.084.925.672)	12.813.443.911
Biến động chi phí trả trước	13	(1.891.812.730)	(1.390.612.175)
		56.481.868.595	1.024.140.640
Tiền lãi vay đã trả	14	(761.753.122)	(440.539.858)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.308.186.656)	(17.825.007.917)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.166.378.669)	(2.775.579.324)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20	41.245.550.148	(20.016.986.459)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

	Mã Thuyết số minh	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(21.022.833.901)	(20.646.891.728)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	559.752.829	367.227.273
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	23	-	-
Tiền cho vay thu về từ các đơn vị khác	24	155.929.190	-
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	25	-	-
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	27	-	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	28	6.866.012.398	10.322.388.616
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30	(13.441.139.484)	(9.957.275.839)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	7.422.744.023	4.833.524.891
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.717.296.831)	(3.151.016.192)
Tiền trả cổ tức	35	-	-
Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính	40	3.705.447.192	1.682.508.699
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	31.509.857.856	(28.291.753.599)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	467.084.218.098	642.519.118.992
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70 3	498.594.075.954	614.227.365.393

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
P. Tổng Giám đốc

ngày 26 tháng 4 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 15 tháng 9 năm 2004. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con được thành lập tại Việt Nam như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/3/2012	31/12/2011
Công ty con				
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5104000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Số 5704000134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5604000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	Nuôi trồng, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu; sản xuất, kinh doanh hóa dược; sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng	Số 1800723433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 8 năm 2008	100%	100%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/3/2012	31/12/2011
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6104000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa, nhôm, giấy; in xuất bản ấn phẩm	Số 5704000183 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 29 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6403000044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20 tháng 7 năm 2007	51%	51%
Công ty TNHH MTV A&G Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1601171629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5904000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1801113085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1200975943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/3/2012	31/12/2011
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1900455594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 29 tháng 3 năm 2011	100%	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 642041000005 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 16 tháng 8 năm 2010	100%	100%

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 Tập đoàn có 2.716 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.629 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lãi chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

(iv) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phản ánh phí đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản của các công ty con và các công ty liên kết tại thời điểm mua. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 5 năm.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

(c) Niên độ kế toán

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Việc áp dụng thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính được thuyết minh theo Thông tư 210 không yêu cầu thuyết minh số liệu so sánh do việc áp dụng phi hồi tố.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

(e) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("CMKT 10") – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(g) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu giá thị trường của các khoản đầu tư xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu đơn vị nhận đầu tư chịu lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(i) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

xiv Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

(j) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 18 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 13 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 13 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm

(k) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 7 năm.

xiv Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 5 đến 16 năm.

(n) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Nâng cấp tài sản thuê

Nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 39 đến 50 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản cố định hữu hình theo luật Việt Nam khi nguyên giá của chúng thấp hơn 10 triệu VND được phân loại như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

xiv Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

(o) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

xiv Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

(s) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc trích lập hàng năm vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(t) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(u) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(v) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(w) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

(x) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

xiv Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

(y) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/3/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	33.549.175.372	42.974.727.829
Tiền gửi ngân hàng	160.377.224.788	294.568.181.502
Tiền đang chuyển	511.128.807	6.072.016.414
Các khoản tương đương tiền	304.156.546.987	123.469.292.353
	498.594.075.954	467.084.218.098

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 có số ngoại tệ tương đương 10.877 triệu VND (31/12/2011: 10.810 triệu VND).

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại bao gồm:

	31/3/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu từ các công ty liên kết	356.765.200	356.765.200
Phải thu từ các bên thứ ba	354.256.626.075	340.229.001.570
	354.613.391.275	340.585.766.770

Các khoản phải thu không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Các khoản trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 là khoản trả trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

Phải thu khác bao gồm:

	31/3/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí hoa hồng trả trước	50.237.296.943	57.935.895.745
Các khoản cho vay (*)	1.113.938.481	2.116.867.671
Phải thu từ cán bộ công nhân viên	765.655.846	11.104.178.590
Phải thu khác	3.237.768.664	2.016.127.299
	55.354.659.934	73.173.069.305

(*) Khoản này phản ánh khoản cho các công ty liên kết và các bệnh viện vay với kỳ hạn dưới một năm, không được đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 10,5% đến 14% trong năm (2011: từ 10,5% đến 14,0%).

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	2.852.522.107	6.225.376.152
Tăng dự phòng trong kỳ		392.832.822
Hoàn nhập		(3.048.679.942)
Sử dụng dự phòng trong kỳ		(717.006.925)
	2.852.522.107	2.852.522.107

Số dư của các khoản phải thu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các khoản phải thu này.

Tình trạng rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu ảnh hưởng bởi các đặc điểm riêng của từng khách hàng. Để kiểm soát các rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng bằng cách mỗi khách hàng mới đều được phân tích về khả năng tín dụng trước khi đề xuất các điều khoản và điều kiện hợp đồng liên quan đến thanh toán và bàn giao hàng hóa. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản phải thu tối đa khách hàng có thể có mà không cần sự chấp thuận của Ban Tổng Giám đốc. Hạn mức tín dụng này được xem xét lại từng năm. Các khoản phải thu được yêu cầu thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày trên hóa đơn. Khách hàng có số dư nợ trên 60 ngày được yêu cầu phải thanh toán trước khi được phép mua thêm. Công ty không nhận tài sản thế chấp từ các khách hàng

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

Dựa trên tỷ lệ nợ xấu trước đây, Công ty tin rằng ngoài khoản lập dự phòng phải thu khó đòi đã lập, không cần lập bổ sung dự phòng cho các khoản phải thu thương mại và phải thu khác tại ngày 31 tháng 3 năm 2012. Dưới đây là bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu, sau khi trừ dự phòng:

	31/3/2012 VND
Nợ trong hạn	107.896.636.379
Quá hạn 0 – 30 ngày	51.789.892.152
Quá hạn 31 – 180 ngày	16.094.787.201
Quá hạn 181 – 365 ngày	1.280.289.675
Quá hạn trên 365 ngày	588.393.273
	177.649.998.679

5. Hàng tồn kho

	31/3/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi đường	63.884.657.600	84.006.950.234
Nguyên vật liệu	170.531.337.446	183.598.965.379
Sản phẩm dở dang	37.555.000.580	39.470.249.494
Công cụ dụng cụ	76.251.431	
Thành phẩm	251.794.886.132	204.667.633.456
Hàng hóa	6.664.268.012	7.002.598.909
Hàng gửi đi bán	11.692.897	1.114.690.097
	530.518.094.098	519.861.087.569
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.669.661.795)	(4.669.661.795)
	525.848.432.303	515.191.425.774

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	4.669.661.795	3.025.856.755
Tăng dự phòng trong kỳ	-	1.643.805.040
Hoàn nhập	-	-
Số dư cuối kỳ	4.669.661.795	4.669.661.795

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

6. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	31/3/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế xuất nhập khẩu	121.455.101	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.175	3.995.583.961
Thuế thu nhập cá nhân	376.805.589	
Thuế khác	3.000.000	112.558.850
	501.327.865	4.108.142.811

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	126.517.175.786	179.007.016.121	84.843.066.505	52.863.530.304	443.230.788.716
Tăng trong kỳ	608.723.238	5.630.016.491	493.033.029	1.231.833.055	7.963.605.813
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.358.106.380	15.661.178.241	9.883.313.753	19.645.000	31.922.243.374
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	-	-	(11.621.365)	(11.621.365)
Thanh lý	-	(9.000.000)	(1.978.137.839)	(196.584.033)	(2.183.721.872)
Số dư cuối kỳ	133.484.005.404	200.289.210.853	93.241.275.448	53.906.802.961	480.921.294.666
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	30.112.197.918	95.605.934.725	31.934.640.990	30.247.242.410	187.900.016.043
Khấu hao trong kỳ	2.583.758.273	5.670.343.664	3.715.438.933	1.770.787.610	13.740.328.480
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	-	-	(5.315.613)	(5.315.613)
Thanh lý	-	(29.226.010)	(1.107.751.511)	(195.655.412)	(1.332.632.933)
Số dư cuối kỳ	32.695.956.191	101.247.052.379	34.542.328.412	31.817.058.995	200.302.395.977
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	96.404.977.868	83.401.081.396	52.908.425.515	22.616.287.894	255.330.772.673
Số dư cuối kỳ	100.788.049.213	99.042.158.474	58.698.947.036	22.089.743.966	280.618.898.689

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 63.864 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 (31/12/2011: 58.893 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	103.908.193.658	53.693.912.775	5.647.619.055	163.249.725.488
Tăng trong kỳ	3.079.554.000	517.080.000	-	3.596.634.000
Thanh lý	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	106.987.747.658	54.210.992.775	5.647.619.055	166.846.359.488
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	4.076.846.191	1.795.568.901	5.872.415.092
Khấu hao trong kỳ	-	290.632.866	250.593.270	541.226.136
Số dư cuối kỳ	-	4.367.479.057	2.046.162.171	6.413.641.228
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	103.908.193.658	49.617.066.584	3.852.050.154	157.377.310.396
Số dư cuối kỳ	106.987.747.658	49.843.513.718	3.601.456.884	160.432.718.260

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	46.746.407.572	7.719.996.731
Tăng trong kỳ	9.474.215.453	125.929.691.161
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(31.922.243.374)	(84.194.123.202)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(2.540.241.968)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(168.915.150)
Số dư cuối kỳ	24.298.379.651	46.746.407.572

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/3/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư vào công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hào	4.986.282.266	4.986.282.266
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	4.800.000.000	5.100.000.000
	9.786.282.266	10.086.282.266
Đầu tư dài hạn khác vào		
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	27.420.000	27.420.000
• Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Dương	4.286.800.000	4.286.800.000
• Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Ninh Thuận	796.675.000	796.675.000
• Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Nghệ An	3.922.880.000	3.922.880.000
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	2.575.315.200	2.575.315.200
• Công ty Cổ phần Dược - Mỹ phẩm và Thương mại Bà Rịa - Vũng Tàu	-	70.000.000
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	221.960.000	221.960.000
	11.831.050.200	11.901.050.200

Biến động đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	10.086.282.266	32.592.080.669
Đầu tư mới trong kỳ	-	-
Thanh lý đầu tư trong kỳ	-	(11.953.307.310)
Lỗi từ các công ty liên kết	(300.000.000)	(10.025.671.093)
Cổ tức	-	(526.820.000)
Số dư cuối kỳ	9.786.282.266	10.086.282.266

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/3/2012	31/12/2011
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Sản xuất và kinh doanh Tảo Spirulina	Số 4803000150 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 2 năm 2008	30%	30%
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh	Số 4603000373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007	20%	20%

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.705.424.607	18.692.824.913	47.920.665	20.446.170.185
Tăng trong kỳ	-	-	29.169.636	29.169.636
Phân bổ trong kỳ	(182.610.978)	(124.631.891)	(12.824.595)	(320.067.464)
Số dư cuối kỳ	1.522.813.629	18.568.193.022	64.265.706	20.155.272.357

12. Vay ngắn hạn

	31/3/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản vay từ nhân viên của Tập đoàn (*)	24.821.048.516	21.115.601.324

(*) Các khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất tháng từ 1,10% đến 1,15% (2011: từ 1,10% đến 1,15%) trong năm.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

13. Phải trả thương mại

	31/3/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả các công ty liên kết	1.100.000.000	2.024.000.000
Phải trả các bên thứ ba	94.266.613.483	121.594.564.257
	95.366.613.483	123.618.564.257

14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/3/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.027.415.665	2.353.466.431
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.025.604.547	9.253.439.110
Thuế thu nhập cá nhân	2.522.001.279	16.267.959.957
Các loại thuế khác	2.123.275.030	422.759.814
	18.698.296.521	28.297.625.312

Chi tiết các khoản thuế như sau:

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	(1.947.743.241)	8.351.577.210	(6.519.691.692)	(115.857.723)
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	7.823.479.405	(7.823.479.405)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(98.775.395)	2.146.662.108	(2.169.341.814)	(121.455.101)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.257.855.149	14.075.868.879	(6.308.186.656)	13.025.537.372
Thuế thu nhập cá nhân	16.485.985.830	4.762.324.323	(19.103.114.463)	2.145.195.690
Tiền thuê đất	-	2.125.227.305	(1.952.275)	2.123.275.030
Các loại thuế khác	190.950.486	67.000.000	(260.950.486)	(3.000.000)
Cộng	19.888.272.829	39.352.139.230	(42.186.716.791)	17.053.695.268

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả

	31/3/2012 VND	31/12/2011 VND
Giảm giá hàng bán	87.130.500.661	108.460.753.247
Chi phí khuyến mại	60.006.374.909	45.510.216.128
Chi phí hội thảo	562.925.588	1.923.656.378
Chi phí quảng cáo	19.184.870.868	174.805.673
Lãi vay phải trả	482.391.401	393.485.351
Các chi phí phải trả khác	13.150.799.950	9.468.125.461
	180.517.863.377	165.931.042.238

16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng việc phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo nghị quyết Đại hội Cổ đông của Tập đoàn.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ	Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	20.198.681.266	22.218.888.308	2.130.130.038	44.547.699.612
Phân bổ cho quỹ	-	165.423.996	-	165.423.996
Sử dụng quỹ	(7.775.573.077)	-	(379.130.314)	(8.154.703.391)
Số dư cuối kỳ	12.423.108.189	22.384.312.304	1.750.999.724	36.558.420.217

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

17. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu năm	33.818.985.521
Trích lập dự phòng trong kỳ	44.882.166
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(395.675.451)
Số dư cuối kỳ	33.468.192.236

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, Tập đoàn đã đóng 665 triệu VND (3 tháng/2011: 409 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008, các đơn vị được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Dự phòng được tính là chi phí. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu năm	24.405.312.797
Sử dụng quỹ trong kỳ	(177.099.274)
Số dư cuối kỳ	24.228.213.523

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/3/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	65.176.429	651.764.290.000	65.176.429	651.764.290.000
Cổ phiếu quỹ	(10.130)	(455.850.000)	(10.130)	(455.850.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	65.166.299	651.308.440.000	65.166.299	651.308.440.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị gián đoạn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	1/1/2012 đến 31/3/2012		1/1/2011 đến 31/3/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	65.166.299	651.308.440.000	26.902.832	268.673.770.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành				
Cổ phiếu thưởng đã phát hành				
Cổ phiếu quỹ mua lại				
Cổ phiếu quỹ phát hành lại				
Số dư cuối kỳ	65.166.299	651.308.440.000	26.902.832	268.673.770.000

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

20. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2012 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	11.911.380.319	8.716.245.431
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số trong kỳ	1.239.347.145	4.235.578.682
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho cổ đông thiểu số	-	(217.298.666)
Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị tính cho cổ đông thiểu số	-	(88.145.128)
Cổ tức nhận được	-	(735.000.000)
Số dư cuối kỳ	13.150.727.464	11.911.380.319

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

21. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	573.197.008.413	538.924.013.676
▪ Hàng hóa đã bán	23.657.109.804	20.203.191.294
▪ Hàng khác	27.330.567.602	23.184.374.224
	624.184.685.819	582.311.579.194
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	(100.886.728)	(10.799.876)
▪ Chiết khấu thương mại		(2.988.978.194)
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.702.555.283)	
	(3.803.442.011)	(2.999.778.070)
Doanh thu thuần		
Trong đó:	620.381.243.808	579.311.801.124
▪ Thành phẩm đã bán	569.393.566.402	535.924.235.606
▪ Hàng hóa đã bán	23.657.109.804	20.203.191.294
▪ Hàng khác	27.330.567.602	23.184.374.224

22. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
Thành phẩm đã bán	281.962.065.206	259.841.846.553
Hàng hóa đã bán	21.973.070.419	17.449.297.967
Hàng khác	25.503.911.259	24.158.324.722
	329.439.046.884	301.449.469.242

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	6.350.561.598	10.244.088.616
Cổ tức	515.450.800	78.300.000
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư dài hạn	20.000.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá	302.167.637	2.292.507.868
Thu lãi phạt nợ	66.482.820	
	7.254.662.855	12.614.896.484

24. Chi phí tài chính

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
Chi phí lãi vay	850.659.172	323.372.767
Lỗ chênh lệch tỷ giá	653.761.987	1.032.950.363
Chi phí tài chính khác	27.544.048	38.071.821
	1.531.965.207	1.394.394.951

25. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
Chi phí nhân viên	59.331.026.464	67.801.770.329
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.121.997.995	1.853.453.780
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.287.450.447	900.097.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.112.594.858	2.148.295.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.136.190.497	41.893.711.470
Chi phí bằng tiền khác	26.693.190.811	30.845.706.488
	137.682.451.072	145.443.034.727

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

26. Chi phí quản lý

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
Chi phí nhân viên	30.104.800.232	30.429.261.796
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	343.495.354	83.358.549
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.005.537.220	828.439.286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.482.853.342	2.100.654.339
Thuế, phí và lệ phí	117.994.697	247.085.352
Chi phí dự phòng	46.801.166	2.019.736.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.018.731.242	2.071.839.686
Chi phí bằng tiền khác	6.602.211.340	4.183.746.449
	42.722.424.593	41.964.122.159

27. Thu nhập khác

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
Thu nhập từ bán phế liệu	203.940.316	270.450.545
Thu từ thanh lý tài sản cố định	559.752.829	367.227.273
Thu nhập khác	669.852.428	349.625.729
	1.433.545.573	987.303.547

28. Chi phí khác

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý và xóa sổ	444.321.364	234.756.637
Chi phí khác	668.281.769	876.139.905
	1.112.603.133	1.110.896.542

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được phân bổ như sau:

	31/3/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản dự phòng	3.300.000.000	3.300.000.000
Lợi nhuận chưa thực hiện	3.445.296.346	2.209.693.831
	6.745.296.346	5.509.693.831

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	14.075.868.577	13.473.872.418
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(1.235.587.540)	(354.006.359)
	12.840.281.037	13.119.866.059

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2005 đến năm 2014 và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2006 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2007 đến năm 2011.

Ngày 21 tháng 12 năm 20106 cổ phiếu DHG được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và đã được giấy phép niêm yết cổ phiếu số 93/UBCK-GPNY ngày 01/12/2006 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước. Theo công văn số 10997/BTC-CST V/v ưu đãi thuế TNDN đối với tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán ngày 8 tháng 9 năm 2006, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ năm 2012 đến năm 2013.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

Các công ty con

Ngoại trừ Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG, Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT, Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG, Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST và Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu, các công ty khác trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG (“In Bao bì DHG”)

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, In Bao bì DHG có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của In Bao bì DHG cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2012.

Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT (“Dược phẩm HT”)

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược phẩm HT có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược phẩm HT cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2016.

Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG (“Dược liệu DHG”)

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược liệu DHG có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược liệu DHG cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2013.

Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST (“Dược phẩm ST”)

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược phẩm ST có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược phẩm ST cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2014.

Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu (“Dược Sông Hậu”)

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược Sông Hậu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2008 đến năm 2019 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược Sông Hậu cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2009 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2010 đến năm 2014.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	102.201.341.165	87.758.403.098

(ii) Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	65.166.299	26.902.832
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối kỳ	65.166.299	26.902.832

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Tập đoàn có mối quan hệ liên quan với các công ty liên kết, các cổ đông, các giám đốc và các cán bộ điều hành.

Giao dịch chủ yếu với các công ty liên kết

Ngoài số dư với các công ty liên kết được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên kết:

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường		
Mua nguyên vật liệu		
Thu nhập cổ tức		
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hào		
Mua nguyên vật liệu	1.166.000.000	2.337.000.000
Phí gia công		-

Giao dịch với cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt là:

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
Tiền lương	617.675.147	766.633.193
Thù lao	618.000.000	618.000.000
Thưởng	104.167.500	115.570.000
	1.339.842.647	1.500.203.193

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

32. Các cam kết

Cam kết mua sắm tài sản

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, Tập đoàn có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/3/2012 VND	31/12/2011 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	716.806.528.846	698.955.443.787
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	17.972.595.482	17.697.277.500
	734.779.124.328	716.652.721.287

33. (Nợ phải trả)/tài sản thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty có các khoản (nợ phải trả)/tài sản thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	294.374	168.509
Phải thu thương mại	80.827	-
Phải trả thương mại	(2.850.183)	(6.495)
	(2.474.982)	162.014

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 31/3/2012 VND
USD 1	20.860
EUR 1	28.040

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 3 năm 2012:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần tại ngày 31/3/2012 VND
USD (8% mạnh thêm) – giảm lợi nhuận thuần	(3.717.224.965)
EUR (8% mạnh thêm) – tăng lợi nhuận thuần	327.086.824

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	304.124.418.534	272.118.532.557
Chi phí nhân công và nhân viên	144.739.322.330	137.022.554.687
Chi phí khấu hao và phân bổ	13.849.986.259	10.664.333.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.381.350.382	64.519.000.737
Các chi phí khác	36.756.550.335	39.565.930.717
	565.851.627.840	523.890.352.505

35. Giải trình

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang giải trình về biến động doanh thu và lợi nhuận của quý 1 năm 2012 so với cùng kỳ năm trước, chi tiết như sau:

ĐVT: Triệu đồng

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Tăng, giảm	
	31/03/2012 VND	31/03/2011 VND	Giá trị (+/-) VND	Tỷ lệ (+/-) %
Doanh thu thuần	620,381	579,312	41,069	7.09%
Lợi nhuận sau thuế	116,281	101,252	15,029	14.84%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

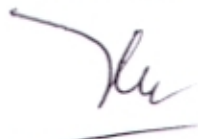
Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận được đại hội đồng cổ đông thường niên giao từ đầu năm, Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang thực hiện giao khoán trên từng địa bàn, tổ chức theo dõi và đôn đốc việc thực hiện. Phối hợp và đẩy mạnh các chương trình chăm sóc khách hàng bằng nhiều hình thức, tổ chức nhiều hoạt động từ các nhãn hàng và ngành hàng, xây dựng nhiều chương trình khuyến mãi ,... kết quả doanh thu tăng 41 tỷ so với cùng kỳ, tỷ lệ tăng 7.09%.

Áp dụng chính sách trả lương trên tiền thu về, thời hạn nợ của khách hàng phát huy hiệu quả, tác động làm giảm chi phí.

Do những yếu tố tác động trên làm cho lợi nhuận tăng 15 tỷ so với cùng kỳ , tỷ lệ tăng 14.84%.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang xin báo cáo.

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
P. Tổng Giám đốc

ngày 26 tháng 4 năm 2012